

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
NĂM 2013

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**
- Tên giao dịch quốc tế: RAILWAY TRANSPORTATION SERVICE JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Anh: **VRTS**
- Trụ sở chính: 120 Phố Định Công, Phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại : 0438.641809- 0438.644805
- Fax: 0438.641205
- Website: : www.vrts.vn
- Email : vrts@vrts.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103006368 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 05/01/2005 và thay đổi lần 2 ngày 04/6/2009.
- Mã số thuế: 0100105207.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt tiền thân là Công ty dịch vụ vận tải đường sắt được thành lập ngày 24/6/2013. Ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ vận tải Đường sắt sang Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Đường sắt.

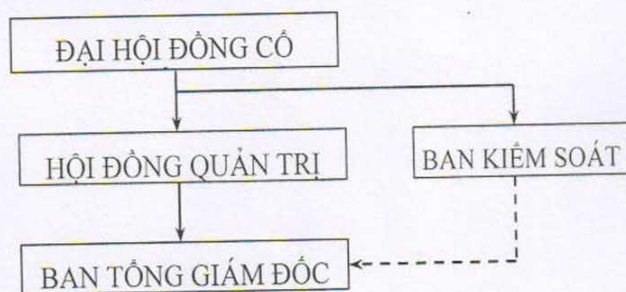
- Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006368 và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2 vào ngày 04/6/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính của Công ty:

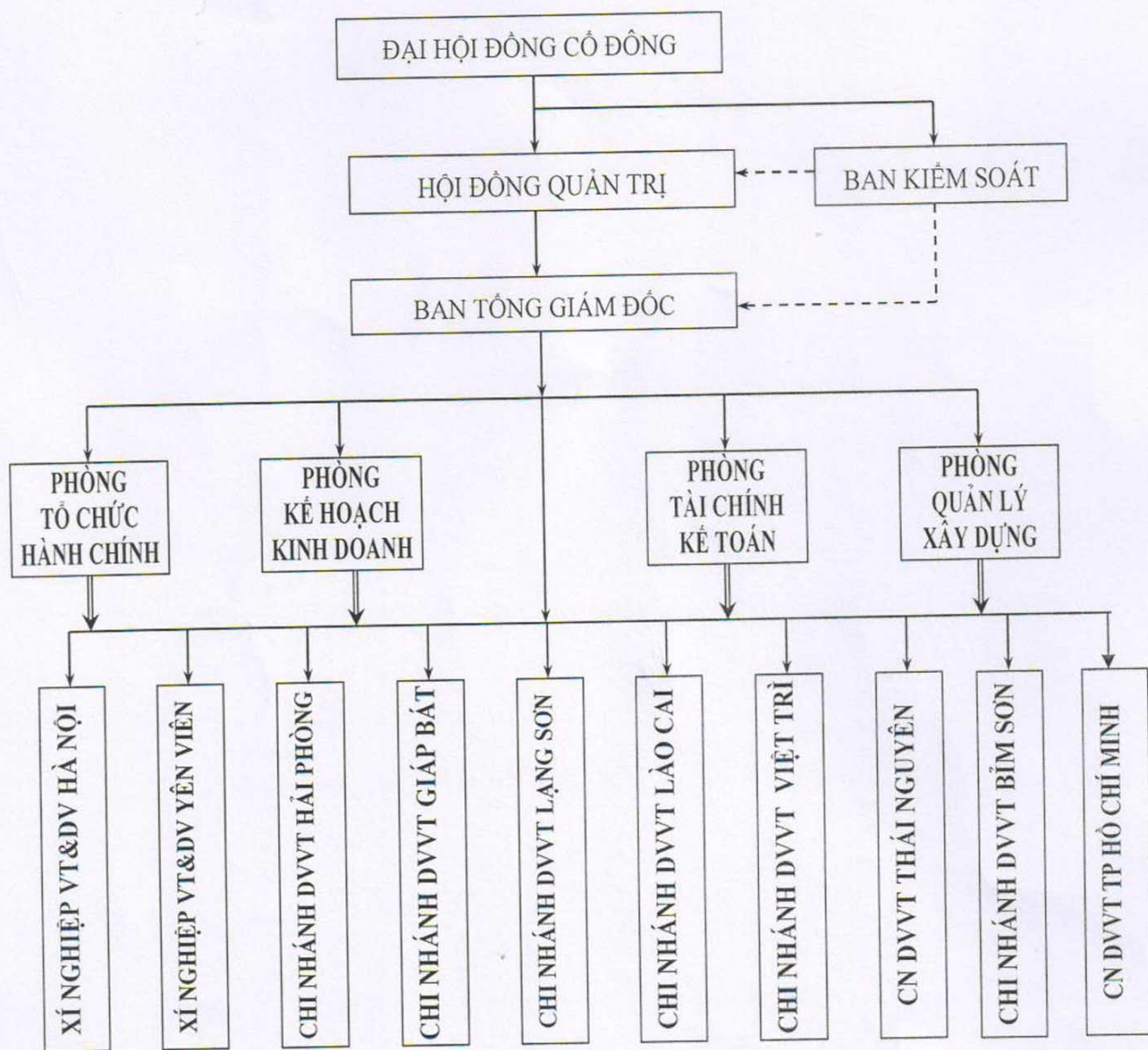
- Ngành nghề kinh doanh chính: vận tải hàng hóa
- Địa bàn kinh doanh chính: vận tải hàng hóa trong và ngoài nước, các dự án công trình trên cả nước trong đó có các văn phòng, địa bàn chính tại các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thanh Hóa.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty theo sơ đồ sau:



- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



- Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo
- - - - -> Quan hệ kiểm tra, giám sát
- ==> Quan hệ hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ

5. Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là: Thực hiện sản xuất kinh doanh với châm ngôn **Chất lượng - An toàn - Tiến độ - Hiệu quả**

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

+ Trở thành nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức hàng đầu của Việt Nam và khu vực.

+ Đưa Công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt trở thành thương hiệu nổi tiếng nhất trong ngành vận tải vào năm 2015; tạo sự tăng trưởng bền vững và phát triển lực lượng lao động tích cực và trung thành

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

+ Công ty hướng tới là mang lại lợi ích cho cộng đồng, ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và cộng đồng. Công ty đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho rất nhiều lao động với chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

+ Công ty là một doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực vận tải hàng hóa. Với chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 Công ty đã tạo được một môi trường làm việc tốt với tác phong công nghiệp. Không ngừng phát triển nguồn nhân lực cũng là một trong chính sách của Công ty .

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của Công ty :

- Rủi ro do các yếu tố và môi trường bên ngoài doanh nghiệp: môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, môi trường khoa học công nghệ

- Rủi ro do các yếu tố và môi trường trong doanh nghiệp: Lực lượng lao động, khách hàng, cơ sở vật chất, mục tiêu phát triển và cách thức quản trị doanh nghiệp.....

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Doanh thu thực hiện đạt 114,9 tỷ đồng trong đó doanh thu nội bộ đạt 47,7 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 4,054 tỷ đồng, đạt 119,26% kế hoạch .

Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với TH/KH
1	Doanh thu nội bộ	Tỷ đồng	45,000	47,692	106,0 %
2	Lợi nhuận/vốn	%	17	20,27	119,26 %
3	Cổ tức	%	13,0	12,0	92,3 %

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành của Công ty:

+ Ông Phạm Hùng Sơn - Tổng giám đốc

+ Ông Nguyễn Đăng Khoa - Phó Tổng giám đốc

+ Ông Nguyễn Thanh Quảng - Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

Đơn vị tính: cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2010	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
1	Ông Phạm Hùng Sơn	Tổng Giám đốc	576.777	69.097
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng GĐ	0	44.251
3	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Phó TGD, Kế toán Trưởng	0	43.794

Trong năm Ban điều hành của Công ty không có sự thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	53.177.231.305	48.551.882.480	91,30%
Doanh thu thuần	132.876.292.379	114.972.098.867	86,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.042.133.783	3.844.432.356	126,37%
Lợi nhuận khác	1.154.261.616	210.519.019	18,24%
Lợi nhuận trước thuế	4.196.395.399	4.054.951.375	96,63%
Lợi nhuận sau thuế	2.976.800.560	2.939.688.531	98,75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,34%	81,64%	93,47%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,73	1,60	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,58	1,52	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	52,11%	48,28%	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	108,8%	93,3%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	94,61	49,08	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,50	2,37	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,022	0,026	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,056	0,061	
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,023	0,033	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty:	2.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do:	1.996.500 cổ phần
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	3.500 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông nhà nước:	28,84%
- Cổ đông cá nhân:	71,16%
- Cổ đông lớn:	Không có

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - + Doanh thu thực hiện đạt 114,9 tỷ đồng trong đó doanh thu nội bộ đạt 47,7 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch
 - + Lợi nhuận trước thuế đạt 4,054 tỷ đồng, đạt 119,26% kế hoạch.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

- Trong năm Công ty không có biến động lớn về tài sản cố định.
- Công ty không có các nợ xấu và các tài sản xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Công ty không có biến động lớn về nợ phải trả và không có các ảnh hưởng về chênh lệch tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong những năm qua, mặc dù kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng Công ty vẫn có mức tăng trưởng bền vững và ổn định. Để đạt được thành công trên, HĐQT và Ban TGD đã có hướng đi đúng đắn trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, phù hợp. Cụ thể:

- + Quản lý nội bộ trên phần mềm Lotus Notes.

+ Áp dụng các văn bản, quy định của Nhà nước để phục vụ cho Công tác giám sát và quản lý của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được và trong thời gian tới tiếp tục đưa Công ty phát triển và phát triển bền vững trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát sản xuất, đưa ra các nghị quyết, quyết định phù hợp với điều kiện của Công ty; dưới sự chỉ đạo chủ động của Tổng giám đốc Công ty và sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ của lãnh đạo Ngành đường sắt, sự cố gắng nỗ lực của cán bộ công nhân viên khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả đạt được như sau:

+ Doanh thu thực hiện đạt 114,9 tỷ đồng trong đó doanh thu nội bộ đạt 47,7 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 4,054 tỷ đồng, đạt 119,26% kế hoạch .

• Về vận tải ô tô và Xếp dỡ cơ giới:

Song song với việc tiếp tục duy trì ổn định các chân hàng đã có, năm 2013 Công ty đã khai thác, đấu thầu, thắng thầu và tổ chức vận tải 1 số gói thầu thuộc dự án ngành điện như thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Nậm Na, Sơn La, Bản Chát, Vũng Áng, Nậm Mông; dự án cải tạo nâng cấp đường sắt...; Thực hiện vận chuyển nhiều lô hàng thiết bị dự án và thiết bị lẻ cho các đối tác lắp máy, gia công cơ khí; tiếp tục ổn định vận chuyển hàng XNK từ Cảng Hải Phòng đi các nhà máy, các KCN Quế Võ, Tiên Sơn, Thăng Long, Nội Bài... và ngược lại;

Tiếp tục duy trì một số thiết bị cơ giới chủ yếu để tổ chức phục vụ vận tải ô tô trong khi chưa khôi phục được nguồn công việc xếp dỡ ổn định tại các đầu mối, các ga; phối hợp chặt chẽ trong thực hiện công việc và liên lạc khớp nối bám sát chủ hàng từ khi thu thập, xử lý thông tin, ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện.

• Về phục vụ vận tải và Dự án toa xe:

Mặc dù hoạt động dịch vụ vận tải có nhiều khó khăn về toa xe bất bình hành, giá cước luôn biến động tăng song Công ty đã bám sát nguồn hàng và các cơ quan chức năng có liên quan, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, bảo đảm chất lượng dịch vụ và cân đối tài chính. Thực hiện vận chuyển liên vận đường sắt đường bộ và giao nhận muối công nghiệp Lào Cai và Đồng Đăng đi nhiều địa điểm ở 3 miền; tiếp tục xếp dỡ, vận chuyển đá cho Nhiệt điện Na Dương; dịch vụ vận tải Xi măng Bim Sơn; thạch cao Lào cho các nhà máy phía Bắc, bột sản xuất khẩu và vận chuyển nhiều lô hàng lẻ trên tuyến Nam - Bắc.

Dự án toa xe Trung Quốc hoạt động khá ổn định. Trong năm thực hiện vận chuyển gần 80.000 tấn quặng apatit; thực hiện tốt kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa toa xe theo định kỳ; tìm kiếm và mua vật tư phụ tùng thay thế đảm bảo cho xe hoạt động thường xuyên. Đây là một dự án liên kết khai thác thời gian thực hiện chưa

được 50% nên cần tiếp tục quan tâm thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với Công ty VTHH, các ban chuyên môn của ĐSVN và Công ty Supe hoá chất Lâm Thao để khai thác toa xe đảm bảo hiệu quả Dự án.

- **Về xếp dỡ vận chuyển hàng STST và sản xuất khác:**

Công ty đã chỉ đạo tích cực khai thác và tổ chức việc vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng và thiết bị. Trong năm đã thực hiện vận chuyển an toàn nhiều lô thiết bị đường dây và trạm cho ngành điện và các thiết bị STST khác. Đây là lĩnh vực có nhu cầu lớn và nhiều khi có tính quyết định cho việc thắng thầu một dự án nên cần có sự quan tâm khôi phục thể mạnh này của Công ty trong thời gian tới.

Quản lý kho bãi an toàn, thu tiền hợp đồng đúng hạn, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch khai thác kho bãi, đất đai, văn phòng để cố gắng giảm mức mất cân đối với thuế đất tăng lên.

- **Về công tác quản lý tài chính:**

Đảm bảo đủ vốn cho sản xuất và đạt chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch. Tiếp tục quan tâm chấn chỉnh tăng cường quản lý công tác tài chính kế toán nên mặc dù tình hình tài chính của nhiều khách hàng phức tạp song Công ty cơ bản không phát sinh tồn đọng lớn. Áp dụng phần mềm kế toán trực tuyến giúp cho việc cập nhật thông tin quản lý và kiểm soát tài chính chặt chẽ, kịp thời và chính xác. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chi phí đến từng hợp đồng, phương tiện từ đó phân tích được cơ cấu giá thành, phần nào giúp đơn vị đánh giá chính xác hơn thực tế sản xuất và có các quyết định phù hợp. Trong năm 2013 đã ban hành thêm một số quy định về TCKT giúp cho việc quản lý rủi ro, bảo đảm hiệu quả SXKD.

- **Công tác đầu tư phát triển, đổi mới công nghệ.**

Thực hiện cẩn trọng trong đầu tư để giữ chủ động an toàn tài chính khi kinh tế xã hội chưa đạt tăng trưởng tốt. Tiếp tục nghiên cứu xem xét đầu tư đầu kéo, moóc tải trọng lớn, cần trục thủy lực nhưng thời điểm đầu tư chưa thích hợp nên chưa triển khai mua. Các đầu tư bổ sung thiết bị khác cũng tạm dừng do nhận định kinh tế xã hội chưa thoát “đáy”.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý hệ thống mạng nội bộ; ổn định hoạt động Phần mềm MISA; Phần mềm LOTUS NOTE giúp cho công tác theo dõi, nắm bắt, chỉ đạo và quản lý hoạt động sản xuất từ Công ty đến đơn vị được thường xuyên, hoàn chỉnh hệ thống quản lý hành trình phương tiện GPS và theo dõi mức tiêu hao nhiên liệu, tăng cường kiểm soát tiến độ và chất lượng dịch vụ vận chuyển cũng như quản lý kỹ thuật.

- **Công tác xây dựng và dự án văn phòng.**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Công ty tiếp tục thúc đẩy Dự án khu Văn phòng, phối hợp với đối tác làm các thủ tục cấp phép dự án. Do tình hình thị trường bất động sản, văn phòng vẫn trong giai đoạn trầm lắng, hiệu quả không cao nên đã thống nhất với đối tác giãn tiến độ.

Tiếp tục thúc đẩy Dự án Khu tập thể, tìm kiếm đối tác phối hợp triển khai Dự án Khu C; nghiên cứu đầu tư bãi xe và phương án di dời, xây dựng kho xưởng mới khi khởi công dự án Khu văn phòng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

Ban giám đốc đã tuân thủ theo Điều lệ của Công ty cũng như pháp luật Nhà nước và trong năm 2013 nhiệm vụ kinh doanh của Công ty đạt được nhiều thắng lợi là do Ban giám đốc Công ty đã chủ động, sáng tạo thực hiện tốt cụ thể ở các mặt sau:

- Bước vào năm kế hoạch, Ban giám đốc Công ty đã có những dự báo, nhận định chính xác tình hình. đã chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu khó khăn, tối ưu hoá lợi nhuận, khuyến khích người lao động, thực hiện nhiều biện pháp sáng kiến cải tiến tiết kiệm nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ giảm giá thành vận tải.

- Đã tích cực khai thác các dự án, giữ vững được thị trường truyền thống, phát triển những thị trường tiềm năng. Từ đó góp phần nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế mới điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính; duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Công ty. Duy trì áp dụng và liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng quản lý trong doanh nghiệp.

- Xây dựng quy chế trả lương gắn với năng suất và chất lượng sản phẩm; sửa đổi bổ sung các chế độ về khen thưởng. Tăng cường pháp chế trong quản lý mọi mặt ở Công ty như: Nội quy lao động, quy định về quản lý mua bán vật tư, qui định về công tác phí, các quy chế đào tạo, an toàn vệ sinh lao động....

- Quan tâm chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa đặc trưng của doanh nghiệp, xây dựng những tiêu chuẩn, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp: trung thực - đoàn kết; đổi mới - sáng tạo; lãnh đạo - thận trọng; thịnh vượng - cộng đồng, xây dựng Công ty thành một tập thể thống nhất. Công ty triển khai thực hiện mức ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại theo đúng qui định, tăng cường chính sách đào tạo tay nghề chuyên môn cho người lao động.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị:

• Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

a. Định hướng:

- Tiếp tục đổi mới với khó khăn; phát huy các nguồn lực, lợi thế thúc đẩy các dự án; nắm bắt cơ hội, kiên trì thực hiện Chiến lược phát triển và phát triển bền vững

b. Nhiệm vụ cụ thể:

- Duy trì các hợp đồng, dự án hàng năm, dài hạn; khai thác các dự án mới phân đầu hoàn thành kế hoạch năm 2014 với giá trị tổng sản lượng 150 tỷ đồng, doanh thu 48 tỷ và phân đầu đạt trên 50 tỷ đồng;

- Chủ động các biện pháp phòng tránh tai nạn, đảm bảo an toàn về người, hàng hoá, thiết bị và an toàn giao thông. Phân đầu không có tai nạn nặng và nghiêm trọng do chủ quan gây ra;

- Sử dụng hiệu quả vốn, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước; lợi nhuận trên vốn đạt mức trên 17%, phần đầu đạt 18%. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, lành mạnh tài chính;

- Đảm bảo thu nhập bình quân từ 4,8 triệu đồng/tháng trở lên và phần đầu đạt trên 5 triệu; thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người lao động.

Bảng các chỉ tiêu cơ bản năm 2014

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2013	KẾ HOẠCH 2014	% SO VỚI KẾ HOẠCH 2013
I	Doanh thu nội bộ (triệu đồng)	45.000	48.000	106,7 %
II	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	17	17	100,0 %
IV	Cổ tức (đồng/CP)	1.300	1.200	92,3 %

• **Kế hoạch đầu tư năm 2014:**

a. Mở rộng sản xuất:

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư thiết bị phương tiện vận tải cho các đơn vị làm ăn có hiệu quả, dự kiến kinh phí đầu tư 5 tỷ đồng.

- Đầu tư đầu kéo, mooc có sức chở lớn khi ký được các hợp đồng vận tải phù hợp hoặc khi có phương án kinh doanh hiệu quả, dự kiến kinh phí đầu tư 10 tỷ đồng.

b. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch khoảng 15 tỷ đồng, dự kiến như sau:

- Vốn tự có, huy động nội bộ, huy động khác 7,5 tỷ đồng;
- Vốn vay ngân hàng 7,5 tỷ đồng.

• **Các dự án xây dựng:**

- Tiếp tục làm việc với đối tác để có thể ký kết thỏa thuận hợp đồng triển khai dự án Khu Tập thể.

- Tiếp tục làm việc với đối tác triển khai Dự án Khu văn phòng tại số 120 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội .

V. Quản trị Công ty:

1. *Hội đồng quản trị:*

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 05 năm, bao gồm một Chủ tịch và 4 ủy viên.

Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điều 27 trong Điều lệ Công ty. Các ủy viên đều là ủy viên kiêm nhiệm.

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2013	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
1	Ông Phạm Hùng Sơn	CT HĐQT	576.777	69.097
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên	0	44.251
3	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Ủy viên	0	43.794
4	Ông Cao Xuân Hật	Ủy viên	0	45.965
5	Ông Phạm Văn Hà	Ủy viên	0	64.517

b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các phiên họp: Trong năm có 4 phiên họp Hội đồng quản trị
- Nội dung họp Hội đồng quản trị năm 2013:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/2013	25/01/2013	- Đánh giá thông qua báo cáo quyết toán tài chính quý IV/2013 và cả năm 2013; - Triển khai Kế hoạch đầu tư và thanh lý thiết bị năm 2013; - Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013 - Thông qua nội dung, phương án tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013; - Xây dựng chuẩn bị kế hoạch triển khai theo Quyết định 198/QĐ-TTg ngày 21/1/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc thoái vốn của doanh nghiệp.
2	02/NQ-HĐQT/2013	26/03/2013	- Đánh giá thông qua báo cáo kết quả SXKD quý I/2013 và kế hoạch SXKD quý II/2013. - Thông qua bộ tài liệu trình ĐHCĐ thường niên năm 2013
3	03/NQ-HĐQT/2013	25/07/2013	- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2013 và 6 tháng đầu năm 2013 - Xét xét và quyết định nội dung tổ chức tại một số đơn vị trực thuộc. - Phê duyệt bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty. - Thống nhất kế hoạch triển khai sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cho phù hợp với nội dung của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính và điều lệ mẫu.

			- Triển khai các nhiệm vụ còn lại của quý 3/2013 và các tháng cuối năm 2013. - Thống nhất chủ trương thúc đẩy triển khai dự án xây dựng tại khu trụ sở 120 phố Định Công.
4	04/NQ-HĐQT/2013	19/12/2013	- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2013 và dự kiến kế hoạch thực hiện cả năm 2013 - Đánh giá kết quả hoạt động HĐQT, các thành viên HĐQT và đánh giá kết quả điều hành của ban Tổng giám đốc Công ty năm 2013 - Thông qua báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2013 - Thông qua mục tiêu nhiệm vụ chính năm 2014 và chương trình công tác chính của Công ty năm 2014 - Thống nhất định hướng triển khai đối với một số dự án xây dựng của Công ty (khu đất trụ sở văn phòng tại 120 Định Công, Dự án A1B1, khu đất tại thị trấn Yên Viên). - Chuẩn bị các phương án thực hiện theo kế hoạch thoái vốn của Đường sắt Việt Nam. - Triển khai tiếp các bước xin ý kiến chỉnh sửa điều lệ hoạt động theo điều lệ mẫu và các quy định hiện hành.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm.

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2013	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
1	Ông Đỗ Minh Phương	Trưởng BKS	0	25.257
2	Ông Trịnh Hùng Tư	Ủy viên	0	30.651
3	Ông Chu Phùng Trọng	Ủy viên	0	14.857

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như sau :

- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu Đại hội cổ đông thường niên 2013.
- Giám sát quá trình chi trả cổ tức năm 2013
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính Quý do Phòng TCKT chuẩn bị.
- Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán.
- Theo dõi ý kiến của các cổ đông qua các kênh thông tin.
- Tham gia các đoàn kiểm tra định kỳ các đơn vị của Công ty.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty :

Ban kiểm soát đồng ý về cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và kết luận của Công ty kiểm toán.

Các khoản đầu tư vốn sang đơn vị khác được kiểm soát chặt chẽ.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và cán bộ quản lý :

Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

Trong năm 2013, BKS đã tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT và thấy rằng các Nghị quyết sau các cuộc họp HĐQT Công ty trong năm 2013 là phù hợp với thời điểm như: Tập trung dự án toa xe, tiếp tục xây dựng phần mềm quản lý doanh nghiệp, điều động, đầu tư phương tiện theo giai đoạn có chọn lọc, tận dụng khai thác quỹ đất hiện có, tiếp tục thực hiện Dự án văn phòng...

Tổng giám đốc đã chủ động, sáng tạo thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2013 tuân thủ theo Điều lệ của Công ty cũng như pháp luật Nhà nước.

Hệ thống kiểm soát nội bộ dần dần được củng cố, các quy trình, quy định của các phòng ban, đơn vị được hoàn thiện và áp dụng có hiệu quả.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc :

Nhìn chung năm 2013 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các Quyết định của Hội đồng quản trị, được tham gia đầy đủ các buổi họp để ra các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong thời gian tới đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tiếp tục duy trì và phối hợp với Ban kiểm soát trong các hoạt động giám sát quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao
1	Phạm Hùng Sơn	CT HĐQT, TGD	137.382.200	57.741.000
2	Nguyễn Đăng Khoa	UV HĐQT, PTGD	108.846.200	39.696.000
3	Nguyễn Thanh Quảng	UV HĐQT, PTGD	101.962.000	55.734.088
4	Cao Xuân Hật	UV HĐQT	4.711.000	14.435.000
5	Phạm Văn Hà	UV HĐQT	96.845.089	18.044.000
6	Đỗ Minh Phương	Trưởng ban KS	85.372.500	25.262.000
7	Trịnh Hùng Tư	Ủy viên	78.676.200	14.435.000
8	Chu Phùng Trọng	Ủy viên	65.656.900	7.217.000
	Tổng cộng		679.452.089	232.564.088

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Trong năm Công ty không có các giao dịch cổ phiếu liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, cán bộ quản lý...

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Không có phát sinh

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty

e. Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty gồm:

- Ông Phạm Hùng Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Ông Nguyễn Thanh Quảng - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế kiểm toán nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định hiện hành về tài chính kế toán.”

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập theo qui định của pháp luật về kế toán.

- Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 18 tháng 03 năm 2014 gồm:

a. Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.238.873.647	32.488.349.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.903.047.587	8.806.680.653
1. Tiền	111	V.1	2.607.237.152	3.902.665.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.295.810.435	4.904.015.127
III. Các khoản phải thu	130	V.2	18.075.364.366	20.789.698.026
1. Phải thu khách hàng	131		16.242.235.862	16.937.763.116
2. Trả trước cho người bán	132		251.039.400	385.519.434
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2.161.363.938	3.549.165.476
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(579.274.834)	(82.750.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	2.470.279.314	1.661.434.091
1. Hàng tồn kho	141		2.470.279.314	1.661.434.091
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.790.182.380	1.230.537.147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	947.803.560	244.364.997
2. Các khoản thuế phải thu	152		629.497	5.413.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		69.938.404	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	771.810.919	980.758.193
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.313.008.833	20.688.881.388
II. Tài sản cố định	220		15.277.127.134	18.802.167.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	15.101.186.867	18.593.476.933
- Nguyên giá	222		42.562.933.887	43.189.286.665
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.461.747.020)	(24.595.809.732)
3. Tài sản cố định vô hình	227		175.940.267	208.690.271
- Nguyên giá	228		262.000.000	262.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(86.059.733)	(53.309.729)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.355.880.000	895.080.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	1.861.400.000	1.602.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(505.520.000)	(707.420.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.680.001.699	991.634.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.680.001.699	991.634.184
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.551.882.480	53.177.231.305

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.440.889.036	27.709.098.173
I. Nợ ngắn hạn	310		17.526.311.853	20.265.702.806
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	610.000.000	593.000.000
2. Phải trả người bán	312		9.624.359.407	11.796.887.295
3. Người mua trả tiền trước	313		237.643.847	72.405.975
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.9	1.133.651.448	1.395.544.308
5. Phải trả người lao động	315		2.374.098.582	2.635.035.410
6. Chi phí phải trả	316	V.10	2.327.280.000	1.701.623.341
7. Phải trả nội bộ	317		320.251.477	1.078.561.577
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	430.725.540	509.133.307
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	320		468.301.553	483.511.593
II. Nợ dài hạn	330		5.914.577.183	7.443.395.367
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		5.206.000.000	5.226.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	575.849.911	1.837.849.911
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		132.727.272	379.545.456
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.110.993.443	25.468.133.132
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	25.110.993.443	25.468.133.132
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		1.609.457.072	1.509.457.072
8. Quỹ dự phòng tài chính	417		61.847.840	531.875.500
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		500.000.000	450.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	419		2.939.688.531	2.976.800.560
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		48.551.882.480	53.177.231.305

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		463,03	6.170,55
6. Hạn mức kinh phí còn lại		-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		-	-

b. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.876.292.379	114.972.098.867
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.876.292.379	114.972.098.867
4	Giá vốn hàng bán	117.018.099.490	101.151.564.438
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.858.192.889	13.820.534.429
6	Doanh thu hoạt động tài chính	654.590.432	808.480.931
7	Chi phí tài chính	731.043.047	69.742.147
8	Chi phí bán hàng	44.359.064	12.860.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.695.247.427	10.701.980.857
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.042.133.783	3.844.432.356
11	Thu nhập khác	1.311.089.812	210.519.019
12	Chi phí khác	156.828.196	0
13	Lợi nhuận khác	1.154.261.616	210.519.019
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.196.395.399	4.054.951.375
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.219.594.839	1.115.262.844
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.976.800.560	2.939.688.531
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.488	1.470
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.300	1.300

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.054.951.375	4.196.395.399
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.456.481.411	3.791.049.703
- Các khoản dự phòng	03		294.624.834	110.925.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.258.290.021)	(1.031.302.638)
- Chi phí lãi vay	06		69.742.147	673.743.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.617.509.746	7.740.810.511
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.351.587.356	58.226.431
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(798.830.423)	(849.087.400)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.538.497.349)	53.014.179
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.391.806.078)	158.393.947
- Tiền lãi vay đã trả	13		(69.742.147)	(673.743.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.384.565.151)	(1.095.789.638)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	105.624.585
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(450.824.496)	(514.532.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(665.168.542)	4.982.917.375
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XĐTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.854.545)	(2.039.322.970)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		190.909.090	636.363.636
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		808.480.931	654.590.432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		983.535.476	(748.368.902)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.473.934.000	410.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.695.934.000)	(3.539.748.418)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.222.000.000)	(5.729.748.418)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(903.633.066)	(1.495.199.945)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.806.680.653	10.301.880.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.903.047.587	8.806.680.653

- Toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và đã được gửi 01 bản gốc đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hùng Sơn